

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày: 31/3/2025

(V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 01/01/1969.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Đồng bị đơn:

2.1/. Ông Trương Văn Q, sinh năm 1977.

2.2/. Bà Nguyễn Kim M (Nguyễn Thị M1), sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q, bà M1 và ông H vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Trước đây, do có nhu cầu vay tiền nên vào ngày 11/9/2021 (âm lịch) nhằm ngày 16/10/2021 (dương lịch) vợ chồng ông Q và bà M1 có hỏi vay của bà số tiền là 120.000.000 đồng. Khi vay số tiền trên hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4,5%/tháng và có thỏa thuận khi nào cần thì bà sẽ thông báo cho ông Q và bà M1 biết trước một thời gian để chuẩn bị trả số tiền trên lại cho bà. Nhưng từ khi vay số tiền của bà cho đến nay, ông Q và bà M1 không đóng lãi cũng như không trả số tiền gốc nào lại cho bà. Mặc dù bà đã rất nhiều lần đến nhắc nợ đối với ông Q và bà M1 nhưng ông Q và bà M1 không có thiện chí trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi là 38.600.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bà C xác định: Vì để làm tin với nhau nên vào ngày giao nhận tiền, vợ chồng ông Q và bà M có đưa cho bà giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 270116 do vợ chồng ông Q và bà M đứng tên. Nay bà chỉ yêu cầu vợ chồng ông Q và bà M có nghĩa vụ trả số tiền trên lại cho bà thì bà sẽ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên lại cho ông Q và bà M nên bà không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bà C xin thay đổi yêu cầu đối với số tiền lãi. Nay bà chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng trên kể từ ngày 11/9/2021 (âm lịch) nhằm ngày 16/10/2021 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với đồng bị đơn ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Q và bà M nhưng ông Q và bà M không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C đối với ông, bà.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông Phạm Văn H thống nhất với ý kiến trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị Hồng C nên ông không có ý kiến gì để bổ sung thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng là đúng theo

quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C. Buộc ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Phạm Văn H tổng số tiền là 203.000.000 đồng. Trong đó số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi suất là 83.000.000 đồng. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đồng bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng C có đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với đồng bị đơn ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M. Ông Q và bà M có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[1.1] Đối với yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Hồng C, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C.

[1.2] Đối với sự vắng mặt của đồng bị đơn ông Trương Văn Q, bà Nguyễn Kim M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông Q, bà M và ông H vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q, bà M và ông H theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C, yêu cầu ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay còn thiếu là 120.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/9/2021 (âm lịch) nhằm ngày 16/10/2021 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà Cúc cung C1 cho Tòa án một giấy biên nhận nợ đề ngày 11/9/2021 (bản chính) có nội dung như sau: *“ngày 11 tháng 9.2021 người xử dụng đất, chủ sở hữu đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền giới đất ở*

Ông Trương Văn Q, năm sinh 1977, giấy chứng minh 385016555. ấp B, PTTB, Phước L, BL có mượn chi 8 H 120.000.000 triệu đồng". Phía dưới của tờ giấy biên nhận nợ này có chữ ký tên và chữ viết tên Trương Văn Q và Nguyễn Kim M.

[3] Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M. Nhưng ông Q và bà M không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà C. Từ đó, cho thấy ông Q và bà M đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với bà C nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật. Do đó, bà C yêu cầu ông Q và bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà đối với số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính khoản tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng của bà C kể từ ngày 11/9/2021 (âm lịch) nhằm ngày 16/10/2021 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (31/3/2025). Căn cứ vào khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: *"2. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý"*. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao dịch vay tiền giữa hai bên có xảy ra trên thực tế, các bên thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015 nên việc ông Q và bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, việc bà C yêu cầu ông Q và bà M trả tiền lãi của số tiền chậm trả trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với giao dịch vay tài sản không có kỳ hạn nhưng có thỏa thuận về mức lãi suất và việc thỏa thuận lãi suất 4,5%/tháng (tương đương 54%/năm) này vượt cao hơn so với quy định của pháp luật cho nên khi phát sinh tranh chấp chỉ chấp nhận mức lãi suất là 20%/năm theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định. Từ đó, căn cứ vào các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xem xét tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 16/10/2021 (dương lịch) cho đến ngày xét xử 31/3/2025 là được 03 năm 05 tháng 15 ngày x 1,66% x 120.000.000 đồng = 83.000.000 đồng.

[5] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 270116 hiện tại do bà C đang quản lý. Bà C xác định, khi nào ông Q và bà M trả xong số tiền nợ trên thì bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 171, tờ bản đồ 25, diện tích 179,7m², phần đất tọa lạc tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cho ông Q và bà M. Trong vụ án này, các đương sự không yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông Q và bà

M có quyền yêu cầu bà C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong một vụ kiện độc lập khác.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng C đối với ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M. Buộc ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Phạm Văn H tổng số tiền là 203.000.000 đồng (Trong đó số tiền gốc là 120.000.000 đồng và số tiền lãi là 83.000.000 đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí. Bà C đã nộp số tiền tạm ứng án phí 3.965.000 đồng theo biên lai thu số 0007145 ngày 05 tháng 11 năm 2024 được hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng C tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Buộc ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.150.000 đồng (Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ nêu trên;HJohH

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 143, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C đối với ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng C và ông Phạm Văn H tổng số tiền là 203.000.000 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu đồng). Trong đó, số tiền gốc là 120.000.000 đồng và số tiền lãi là 83.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi

suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Hồng C không phải chịu án phí. Bà C đã nộp số tiền tạm ứng án phí 3.965.000 đồng theo biên lai thu số 0007145 ngày 05 tháng 11 năm 2024 được hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng C tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Buộc ông Trương Văn Q và bà Nguyễn Kim M cùng có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.150.000 đồng (Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5/. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An